

Số: 300/TTr-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang

ĐẾN	VĂN PHÒNG HĐND TỈNH AG
	Ngày: 07/ 6 / 2018
	Số: 5531
	Chuyển:
Lưu Hồ Sơ: <i>Ph. UBND</i>	

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- Tại Khoản 1, Điều 22 Luật phí và lệ phí quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền” và tại Khoản 2, Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng, thẩm định Đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh”.

- Tại Khoản 13, Điều 2 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Do đó, để phù hợp với các quy định nêu trên và để áp dụng thống nhất thực hiện trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 7 quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí

thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng dự thảo Nghị quyết

1. Mục đích: Ban hành văn bản mới quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang để phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 22 Luật phí và lệ phí và Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Quan điểm chỉ đạo:

- a) Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- b) Đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Thực hiện Luật phí và lệ phí và Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án thu phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh của UBND tỉnh. Sở Tài chính đã dự thảo Nghị quyết này gửi đến các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố góp ý.

Dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 145/BC-STP ngày 31 tháng 5 năm 2018 về Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

IV. Bố cục và nội dung cơ bản dự thảo Nghị quyết

1. Bố cục: Dự thảo Nghị quyết gồm có 03 Điều.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết: Theo dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang đính kèm.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- Sở: Tài chính; TN&MT; Tư pháp;
- Lưu: VT, P.KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nung

Số: /2018/NQ-HĐND

An Giang, ngày

tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định
đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng
nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài
chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân
tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí
thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới
đất trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban ; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định
đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa
bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp,
quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai
thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang .

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền
tại địa phương thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử
dụng nước dưới đất phải nộp phí theo quy định, trừ các trường hợp được miễn thu phí tại
điểm b khoản này.

b) Các trường hợp miễn thu phí:

- Khai thác, sử dụng nước dưới đất phục vụ các hoạt động lâm nghiệp, giao thông thủy, nuôi trồng thủy sản, thể thao, giải trí, du lịch, y tế, an dưỡng, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác không nhằm mục đích kinh doanh;

- Khai thác nước dưới đất từ các công trình thay thế có quy mô không lớn hơn và mực nước hạ thấp nhỏ hơn giới hạn cho phép đã được xác định trong giấy phép, nằm trong khu vực đã được cấp phép;

- Khai thác, sử dụng nước dưới đất với quy mô nhỏ trong phạm vi gia đình.

c) Cơ quan thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường

3. Mức thu phí:

a) Mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất như sau:

STT	Đối tượng thu	ĐVT	Mức thu
1	Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200m ³ /ngày - đêm	đồng/đề án, báo cáo	200.000
2	Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 200m ³ /ngày - đêm đến dưới 500m ³ /ngày - đêm	đồng/đề án, báo cáo	550.000
3	Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 500m ³ /ngày - đêm đến 1.000m ³ /ngày - đêm	đồng/đề án, báo cáo	1.300.000
4	Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước trên 1.000m ³ /ngày - đêm	đồng/đề án, báo cáo	2.500.000
5	Đề án, báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng dưới 200m ³ /ngày đêm	đồng/đề án, báo cáo	200.000
6	Đề án, báo cáo kết quả thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng từ 200 m ³ đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	đồng/đề án, báo cáo	700.000
7	Đề án, báo cáo kết quả thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 500 m ³ đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	đồng/đề án, báo cáo	1.700.000
8	Đề án, báo cáo kết quả thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	đồng/đề án, báo cáo	3.000.000

b) Trường hợp thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung và cấp lại giấy phép (trừ trường hợp khi có sai sót về thông tin do lỗi của cơ quan thu phí): mức thu phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức phí tại Điểm a Khoản này.

4. Quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất:

a) Đơn vị thu phí được để lại 80% (tám mươi phần trăm) trên tổng số tiền phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất thu được để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ.

b) Số tiền còn lại 20% (hai mươi phần trăm) nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Cơ quan thu phí:

a) Tổ chức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh theo đúng Nghị quyết này.

b) Niêm yết và thông báo công khai mức thu phí tại địa điểm thu, khi thu phí phải cấp biên lai thu cho đối tượng nộp phí theo quy định, đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng và quyết toán biên lai thu theo quy định hiện hành.

c) Mở sổ sách kế toán để theo dõi, phản ánh việc thu, nộp, quản lý và sử dụng số tiền phí theo chế độ hiện hành.

d) Tổng hợp báo cáo tình hình thu phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh theo quy định.

6. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật phí và lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX kỳ họp lần thứ 7 thông qua ngày tháng 7 năm 2018, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018 và thay thế quy định về phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Chương IV Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị, thành;
- Website Chính phủ;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Phôn xã AG, Website tỉnh An Giang;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.Tổng hợp-Nh.

CHỦ TỊCH

Số: 45/BC-STP

An Giang, ngày 31 tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất

Ngày 25/5/2018, Sở Tư pháp nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định theo Công văn số 1144/STC-HCSN ngày 24/5/2018 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang; Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo

Tại Điểm b Khoản 2 Điều 1, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh lại câu từ nhằm đảm bảo ngữ nghĩa cho nội dung “- Khai thác, sử dụng nước dưới đất không nhằm mục đích kinh doanh, phục vụ các hoạt động lâm nghiệp, giao thông thủy, nuôi trồng thủy sản, ...”. Đề xuất điều chỉnh theo hướng “- Khai thác, sử dụng nước dưới đất phục vụ các hoạt động lâm nghiệp, giao thông thủy, nuôi trồng thủy sản, ... nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác không nhằm mục đích kinh doanh”

II. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Theo Khoản 1 Điều 22 Luật phí và lệ phí quy định:

“Điều 22. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. *Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.*”

Theo Khoản 13 Điều 2 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quy định:

“Điều 2. Danh mục các khoản phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

13. *Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).*”

Căn cứ các quy định trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai

thác sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang là đúng thẩm quyền và cần thiết.

III. Nội dung dự thảo

1. Tại Điểm b Khoản 2 Điều 1, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “không thu phí” thành “miễn thu phí” nhằm thống nhất với nội dung và tên gọi của dự thảo Nghị quyết.

2. Tại Điểm b Khoản 3 Điều 1, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ hơn về nội dung gia hạn, điều chỉnh và cấp lại giấy phép. Theo đó, trường hợp gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép thì phải cấp lại giấy phép, trường hợp này tính “phí gia hạn + phí giấy phép” hay “phí cấp lại giấy phép khi gia hạn/điều chỉnh = 50%”; trường hợp mất giấy phép đề nghị cấp lại, mức phí có thấp hơn không (vì trường hợp này không phải thực hiện thẩm định hồ sơ mới, không phát sinh những nội dung mới).

3. Tại Khoản 6 Điều 1, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh theo hướng “6. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Phí và lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan.”

IV. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Dự thảo Tờ trình: Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tại gạch đầu dòng thứ 2 mục I. **Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**, từ “Tại Khoản 9 Điều 2 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ...” thành “Tại Khoản 13 Điều 2 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ...” vì sai lệch về điều khoản dẫn chiếu áp dụng.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang./. tk

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Văn Phòng UBND tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT.



Nguyễn Đức Trung